

có YNSKCD theo ngưỡng qui định của Tổ chức Y tế thế giới. SDD thấp còi ở học sinh dân tộc cao hơn so với dân tộc Kinh (Tày là 15,6% và Dao là 15,0%; Kinh là 9,0%). Tỷ lệ SDD gầy còm 4,7%. Tỷ lệ thừa cân, béo phì ở ĐTNC ở học sinh vùng thành phố Tuyên Quang cao hơn có YNTK so với huyện Chiêm Hóa.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Berhe K et al.** Prevalence and associated factors of zinc deficiency among pregnant women and children in Ethiopia: a systematic review and meta-analysis. BMC Public Health, 2019. 19(1): 1663.
2. **Bhattarai S et al.** Prevalence and associated factors of malnutrition among school going adolescents of Dang district, Nepal. AIMS Public Health, 2019. 6(3): 291–306.
3. **Bhargava M et al.** Correction: Nutritional status of Indian adolescents (15-19 years) from National Family Health Surveys 3 and 4: Revised estimates using WHO 2007 Growth reference. PLOS ONE, 2020; 15(9): e0239923.
4. **Trần Khánh Vân và CS.** Tình trạng dinh dưỡng, khẩu phần, tần suất tiêu thụ và thói quen sử

- dụng thực phẩm của học sinh tiểu học, THCS và THPT ở một số tỉnh thành Việt Nam. Báo cáo nghiệm thu đề tài cấp Viện Dinh dưỡng, 2018.
5. **Ngô Hồng Nhung và CS.** Thực trạng dinh dưỡng ở học sinh lớp 10 tại trường THPT gang thép Thái Nguyên năm 2020. Tạp chí Y học Việt Nam 2021. 502: 221 - 225.
  6. **Trương Thị Thu Hương và CS.** Tình trạng dinh dưỡng của học sinh 15-18 tuổi ở một số trường THPT tỉnh Điện Biên năm 2020. Tạp chí Y học Việt Nam, 2022. 516: 245-249.
  7. **Nguyễn Song Tú.** Tình trạng dinh dưỡng, đặc điểm cấu trúc cơ thể và một số yếu tố liên quan đến SDD thấp còi ở học sinh 15-17 tuổi tại trường THPT của tỉnh Sơn La năm 2020. Báo cáo nghiệm thu cấp cơ sở Viện Dinh dưỡng, 2023.
  8. **Nguyễn Thị Trung Thu và CS.** Thực trạng dinh dưỡng của học sinh trường THPT số 1 thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Tạp chí khoa học Đại học sư phạm Hà Nội, 2022. 67: 107-114.
  9. **Đặng Thị Hạnh.** Tình trạng dinh dưỡng và khẩu phần thực tế ở nữ học sinh lớp 10 – 11 tại trường THPT huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa năm 2018. Luận văn Thạc sĩ Dinh dưỡng. Đại học Y Hà Nội, năm 2022.

## THỰC TRẠNG TIÊM VẮC-XIN PHÒNG UNG THƯ CỔ TỬ CUNG CỦA NỮ SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI NĂM 2022

Vũ Ngọc Hà<sup>1</sup>, Nguyễn Thành Trung<sup>1</sup>, Nguyễn Dương Truyền<sup>2</sup>, Nguyễn Quang Tâm<sup>3</sup>, Vũ Thanh Hòa<sup>1</sup>, Mạc Đăng Tuấn<sup>1</sup>

#### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Xác định tỷ lệ tiêm vắc-xin phòng ung thư cổ tử cung (UTCTC) của nữ sinh viên Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) năm 2022. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên nữ sinh viên Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN từ tháng 11/2022 đến tháng 01/2023. **Kết quả:** Trong tổng số 310 nữ sinh viên tham gia, có 107 sinh viên (34,5%) đã tiêm vắc-xin HPV, trong đó có 69 sinh viên (22,3%) đã tiêm đủ 3 liều. Trong số 203 đối tượng chưa tiêm chủng, chỉ có 62,0% chắc chắn thời gian tới sẽ tiêm vắc-xin. **Kết luận:** Tỷ lệ tiêm vắc-xin phòng UTCTC của nữ sinh viên Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN còn chưa cao. Trong đó, sinh viên chưa tiêm vắc-xin với lí do giá thành cao chiếm tỷ lệ cao nhất. Các buổi tư vấn, ngoại khóa nhằm nâng cao kiến thức về vắc-

xin HPV đồng thời nhấn mạnh vai trò và tính an toàn, hiệu quả của vắc-xin có thể thúc đẩy việc tiêm vắc-xin HPV. **Từ khóa:** Ung thư cổ tử cung; vắc-xin HPV; vắc-xin phòng UTCTC; nữ sinh viên.

#### SUMMARY

#### HUMAN PAPILLOMAVIRUS (HPV) VACCINATION STATUS AND OTHER FACTORS AMONG FEMALE STUDENTS AT UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY, VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY IN 2022

**Objective:** To determine the vaccination rate of female students at the University of Medicine and Pharmacy, Vietnam National University in 2022. **Subjects and Methods:** This was a cross-sectional descriptive study conducted on female university students at the University of Medicine and Pharmacy, Vietnam National University from November 2022 to January 2023. **Results:** Of the 310 female students who participated, 107 students (34.5%) had received the HPV vaccine, of whom 69 students (22.3%) had received all three doses. Among the 203 unvaccinated subjects, only 62.0% were certain they would receive the vaccine. **Conclusion:** The rate of cervical cancer vaccination among female students at the University of Medicine and Pharmacy, Vietnam National

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Dược, Đại học Quốc gia Hà Nội

<sup>2</sup>Bệnh viện Thanh Nhàn

<sup>3</sup>Bệnh viện Đại học Quốc gia Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Vũ Ngọc Hà

Email: vungochavnu@gmail.com

Ngày nhận bài: 2.8.2023

Ngày phản biện khoa học: 20.9.2023

Ngày duyệt bài: 5.10.2023

University is not high. In which, students who have not been vaccinated with the reason of high cost account for the highest percentage. Counseling and extracurricular sessions to propaganda about the benefits of vaccines and emphasize the role, safety, and effectiveness of vaccines can promote HPV vaccination.

**Keywords:** Cervical cancer; HPV vaccine; cervical cancer prevention vaccine; female university students.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư cổ tử cung (UTCTC) là một bệnh lý phổ biến và đứng thứ hai trong số các ung thư sinh dục ở phụ nữ trên thế giới và là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây tử vong của giới nữ, trong đó 85% trường hợp xảy ra ở các nước đang phát triển với xu hướng tăng lên theo thời gian kể [1]. Năm 2020, ước tính trên toàn thế giới có 604,1 trường hợp mắc mới và 341,8 trường hợp tử vong do UTCTC [2]. Tại Việt Nam, UTCTC đứng thứ năm trong các loại ung thư thường gặp ở phụ nữ độ tuổi từ 15 đến 44 tuổi [1]. Theo nghiên cứu của Bùi Thị Thu Hương và Lò Minh Trọng trên bệnh nhân tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên có 28,8% bệnh nhân dương tính với HPV: trong đó số bệnh nhân trong nhóm tuổi nhỏ hơn 25 tuổi dương tính HPV chiếm tỷ lệ cao nhất 45,8% ( $p < 0,05$ ) [3].

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), tiêm vắc-xin phòng UTCTC là một trong những biện pháp tốt nhất để phòng bệnh và phương pháp này đạt được hiệu quả nhất thông qua việc tiêm chủng cho trẻ em gái trước khi quan hệ tình dục. Hiện nay có 4 loại vắc-xin phòng UTCTC đã được WHO kiểm định chất lượng [4]. Vắc-xin gồm 3 mũi tiêm được chỉ định tiêm cho nữ giới trong độ tuổi từ 9-26 tuổi, bất luận đã từng quan hệ tình dục, đã từng có con hoặc đã từng nhiễm HPV và nên đi tiêm vắc-xin phòng UTCTC càng sớm càng tốt [1]. Theo ước tính của WHO vào năm 2019 chỉ có 15% trẻ em gái đã tiêm đủ liều vắc-xin trước 15 tuổi và tỷ lệ này chỉ đạt 1% ở các nước thuộc khu vực Đông Nam Á [4]. Do đó, tháng 11/2020, WHO đã khởi động Chiến lược toàn cầu đẩy nhanh loại bỏ UTCTC, đây là bước đầu trong chiến dịch loại bỏ ung thư trên toàn Thế giới. Chiến dịch này của WHO khuyến nghị tất cả các quốc gia đạt và duy trì tỷ lệ mắc UTCTC dưới 4/100.000 phụ nữ bằng cách tiêm chủng cho 90% trẻ em gái trước 15 tuổi [5].

Tại Việt Nam, vắc-xin HPV đã được đưa vào trong chương trình tiêm chủng dịch vụ từ năm 2008 và đến năm 2016 Bộ Y Tế Việt Nam cũng đã đưa ra "Kế hoạch hành động quốc gia về dự phòng và kiểm soát UTCTC giai đoạn 2016 – 2025" với mục tiêu là ít nhất 25% trẻ em gái và

phụ nữ được tiêm vắc-xin HPV vào năm 2025 [6]. Một nghiên cứu trên nữ sinh viên khoa Dược năm thứ 5 Đại học Nguyễn Tất Thành cho thấy mặc dù là sinh viên thuộc ngành Y – Dược nhưng chỉ có 33,3% đối tượng đã tiêm ngừa UTCTC [7]. Hiện nay, tại Việt Nam chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá tỷ lệ tiêm vắc-xin phòng UTCTC ở đối tượng sinh viên, đặc biệt là sinh viên khối ngành Y Dược. Do đó, nghiên cứu này nhằm mục tiêu: *Xác định tỷ lệ tiêm vắc-xin phòng UTCTC của nữ sinh viên Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN năm 2022.*

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu.** Nữ sinh viên đang theo học hệ đại học chính quy tại Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN từ tháng 11 năm 2022 đến tháng 01 năm 2023.

**2.2. Thiết kế nghiên cứu.** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

**2.3. Cỡ mẫu và kỹ thuật chọn mẫu**

**2.3.1. Cỡ mẫu.** Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu mô tả nhằm ước tính một tỷ lệ trong quần thể:

$$n = Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó: n: cỡ mẫu tối thiểu cho nghiên cứu

$\alpha$ : sai lầm loại 1 (chọn  $\alpha = 2,5\%$ )

$Z_{1-\frac{\alpha}{2}}$ : hệ số giới hạn độ tin cậy ( $Z_{1-\frac{\alpha}{2}} = 2,23$  khi chọn  $\alpha = 2,5\%$ )

d: khoảng sai lệch mong muốn ( $d = \frac{p}{10} = 0,0622$ )

p: tỷ lệ đối tượng có thái độ không tích cực về vắc-xin phòng UTCTC. Trong nghiên cứu này chúng tôi lấy tỷ lệ đối tượng có thái độ không tích cực về vắc-xin phòng UTCTC là 62,2% theo nghiên cứu của Lê Văn Hội năm 2020 [8]

Như vậy, cỡ mẫu tối thiểu tính được  $n = 302,2$  làm tròn là 303 đối tượng. Trên thực tế, chúng tôi phỏng vấn được 310 đối tượng.

**2.3.2. Kỹ thuật chọn mẫu.** Áp dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng. Chọn 310 sinh viên nữ đang theo học hệ Đại học chính quy tại Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN gồm 6 ngành học theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sinh viên nữ của Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN năm học 2022-2023.

**2.4. Phân tích số liệu.** Số liệu của phiếu khảo sát trực tuyến được thu thập vào máy tính bằng phần mềm Excel, kiểm soát và làm sạch số

liệu. Sau đó, sử dụng phần mềm Stata 15.0 để phân tích.

**2.5. Đạo đức nghiên cứu.** Tất cả đối tượng đồng ý tham gia nghiên cứu hoàn toàn là tự nguyện và không bị bất cứ ràng buộc nào trong quá trình tham gia. Mọi thông tin thu được bảo mật về tên của người được phỏng vấn. Thông tin thu thập chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**3.1. Một số đặc điểm của đối tượng nghiên cứu**

**Bảng 3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n=310)**

Thông tin chung về đặc điểm của ĐTNC		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Ngành học	Bác sĩ đa khoa	114	36,8
	Dược học	91	29,4
	Răng – Hàm – Mặt	28	9
	Kỹ thuật xét nghiệm y học	28	9
	Kỹ thuật hình ảnh y học	20	6,4
	Điều dưỡng	29	9,4
Tuổi	< 20	123	39,7
	20 - 22	145	46,8
	≥ 23	42	13,5
Dân tộc	Kinh	288	92,9
	Khác	22	7,1
Năm học	Năm 1 – 3	173	55,8
	Năm 4 – 6	137	44,2
Nơi ở hiện tại	Ở với gia đình	87	28,1
	Ký túc xá	53	17,1
	Thuê nhà trọ	170	54,8

**Nhận xét:** Trong tổng số 310 sinh viên tham gia nghiên cứu, sinh viên ngành bác sĩ đa khoa chiếm tỷ lệ lớn nhất (36,8%). Phần lớn sinh viên trong độ tuổi 20-22 tuổi (46,8%) và có kết quả học tập loại khá (54,2%). Về nơi ở, đa số sinh viên từng ở nông thôn (67,7%) và hiện tại đang thuê nhà trọ (54,8%).

**3.2. Thực trạng tiêm vắc-xin phòng UTCTC của đối tượng nghiên cứu**

**Bảng 3.2. Thực hành tiêm phòng vắc-xin phòng UTCTC**

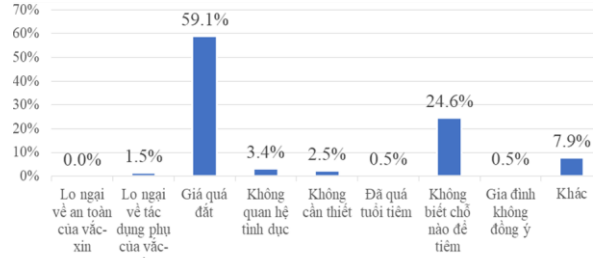
Thực hành về vắc-xin phòng UTCTC	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)	
Đã tiêm phòng vắc-xin UTCTC (n=310)	Rồi	107	34,5
	Chưa	203	65,5
Sàng lọc phát hiện UTCTC sớm (n=203)	Rồi	4	2,0
	Chưa	199	98,0
Dự định tiêm phòng vắc-xin	Có, chắc chắn	126	62,0
	Có thể có	71	35,0

UTCTC (n=203)	Không	4	2,0
	Không biết	2	1,0
Giới thiệu tiêm vắc-xin (n=310)	Có, chắc chắn	209	67,4
	Có thể có	95	30,6
	Không biết	3	1,0
	Không	3	1,0



**Biểu đồ 3.1. Lý do tiêm phòng vắc-xin phòng UTCTC (n=107)**

**Nhận xét:** Trong 107 sinh viên đã tiêm phòng vắc-xin HPV, đa số là vì sinh viên lo lắng có thể nhiễm bệnh trong tương lai (48,6%), tiếp theo là nhận được lời khuyên từ gia đình, nhân viên y tế và cảm thấy cần khi nhận được thông tin về vắc-xin trên internet.



**Biểu đồ 3.2. Lý do không tiêm phòng vắc-xin phòng UTCTC (n=203)**

**Nhận xét:** Trong 203 sinh viên chưa tiêm phòng vắc-xin HPV, đa số cho rằng giá thành vắc-xin quá đắt (59,1%), tiếp theo là không biết chỗ để tiêm (24,6%), không quan hệ tình dục nên không tiêm (3,4%). Không có sinh viên nào lo ngại về tính an toàn của vắc-xin.

**Bảng 3.3. Đánh giá thực hành tiêm vắc-xin phòng UTCTC (n=310)**

Thực hành về vắc-xin phòng UTCTC	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Không đạt (chưa tiêm/tiêm chưa đủ 3 mũi vắc-xin)	241	77,7%
Đạt (tiêm đủ 3 mũi vắc-xin)	69	22,3%

**IV. BÀN LUẬN**

**Về thực hành tiêm phòng UTCTC, chỉ có 34,5% sinh viên đã tiêm phòng:** Tỷ lệ này trong nghiên cứu của Lê Văn Hội năm 2019 là 23,4% [8], trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Xuân Liễu năm 2019 là 33,3% [7], trong nghiên

cứu của Trương Thị Ánh Nguyệt là 18,6% [9]. Sự khác biệt này có thể là do tỷ lệ sinh viên có thái độ tích cực của chúng tôi cao hơn, nên dẫn đến tỷ lệ thực hành tiêm cao hơn.

**Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, trong số sinh viên đã tiêm phòng, chỉ có 22,3% số sinh viên đã tiêm đủ 3 mũi vắc-xin phòng bệnh UTCTC:** Kết quả này tương đồng với kết quả nghiên cứu của các tác giả trong nước như nghiên cứu của Lê Văn Hội (13,8%) [8], nghiên cứu của Trương Thị Ánh Nguyệt năm 2022 (16,5%) [9] và tương đồng với kết quả nghiên cứu của các nước trong khu vực Châu Á như Thái Lan [10].

Các kết quả này cho thấy, tỷ lệ tiêm vắc-xin tại các quốc gia khu vực Châu Á còn thấp, thấp hơn nhiều so với mục tiêu mà Tổng giám đốc WHO đề ra vào năm 2018 là đến năm 2030 mỗi quốc gia có 90% trẻ em gái tiêm chủng đầy đủ vắc-xin phòng HPV trước 15 tuổi [5]. Trong khi một số nước ở các khu vực khác như Châu Âu, Châu Mỹ, tỷ lệ tiêm vắc-xin cao hơn đáng kể [9]. Sự khác biệt này có thể được lý giải bởi vắc-xin HPV tại Việt Nam và các nước châu Á chỉ có trong chương trình tiêm chủng dịch vụ mà chưa được đưa vào chương trình tiêm chủng mở rộng quốc gia. Ngoài ra, cần tìm hiểu thêm lý do sinh viên không tiêm phòng để có những biện pháp hỗ trợ nhằm tăng tỷ lệ tiêm phòng đầy đủ.

**Bảng 4.1. So sánh tỷ lệ tiêm vắc-xin phòng UTCTC với một số nghiên cứu**

STT	Tác giả	Năm	Đối tượng	Tỷ lệ đã tiêm vắc-xin	Tỷ lệ tiêm đủ 3 mũi vắc-xin
1	Lê Văn Hội	2019	Nữ sinh viên khối Y học Dự phòng, Trường Đại học Y Hà Nội (296)	23,4%	13,8%
2	Nguyễn Thị Xuân Liễu	2020	Nữ sinh viên khóa 14DDS, khoa Dược, Đại học Nguyễn Tất Thành (438)	33,3%	-
5	Wandee Chanprasertpinyo	2020	Sinh viên tại một trường Đại học ở vùng nông thôn Thái Lan (521)	1,9%	-
6	Trương Thị Ánh Nguyệt	2022	Sinh viên đang học tập tại Khoa Y – Dược, Đại học Đà Nẵng (424)	18,6%	16,5%
7	Cassandra Pingali	2020	Thanh thiếu niên từ 13-17 tuổi trên toàn quốc, khu vực, tiểu bang và một số địa phương tại Hoa Kỳ (20163)	75,1%	-
8	Nghiên cứu của chúng tôi	2022	Nữ sinh viên Trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN (310)	34,5%	22,3%

**Nghiên cứu cho thấy các lý do sinh viên chấp nhận tiêm vắc-xin phòng UTCTC,** đa số sinh viên lo lắng có thể nhiễm bệnh trong tương lai (48,6%). Tỷ lệ này cho thấy sinh viên trong nghiên cứu của chúng tôi có nhận thức tốt về việc tự bảo vệ bản thân trước các bệnh đã có vắc-xin phòng ngừa.

**Nghiên cứu cũng cho thấy những lý do sinh viên không tiêm vắc-xin phòng UTCTC** bao gồm: Có 59,1% sinh viên cho rằng giá thành vắc-xin quá đắt, có 24,6% không biết chỗ để tiêm, tiếp theo là do không quan hệ tình dục chiếm 3,4% và 2,5% cho rằng điều này là không cần thiết. Kết quả này có sự tương đồng với nghiên cứu của Trương Thị Ánh Nguyệt năm 2020, có 61,4% sinh viên không tiêm phòng do giá thành vắc-xin quá đắt và 43,8% sinh viên cho rằng chưa quan hệ tình dục nên chưa cần tiêm vắc-xin [9]. Có thể là do giá thành của vắc-xin phòng UTCTC còn chưa phù hợp với điều kiện kinh tế của nhiều gia đình tại Việt Nam. Điều này cho thấy, Việt Nam rất cần có sự tham gia của Nhà nước trong việc thương thảo với các

nhà sản xuất và cung cấp vắc-xin, mua với số lượng lớn để giảm giá thành. Bên cạnh đó, có nhiều nghiên cứu chứng minh rằng HPV có thể lây truyền trực tiếp từ người bệnh sang người lành thông qua qua da, niêm mạc miệng hoặc các vật dụng dùng chung như dụng cụ khám phụ khoa nên trong một số trường hợp con người có thể vô tình nhiễm HPV mà không phải qua quan hệ tình dục [8]. Đồng thời, tỷ lệ sinh viên không biết chỗ để tiêm vắc-xin còn cao cho thấy sinh viên rất ít tìm hiểu về thông tin vắc-xin phòng UTCTC. Chính vì vậy, các buổi tư vấn, ngoại khóa nhằm nâng cao kiến thức về vắc-xin HPV đồng thời nhấn mạnh vai trò và tính an toàn, hiệu quả của vắc-xin có thể thúc đẩy việc tiêm vắc-xin HPV.

## V. KẾT LUẬN

- Tỷ lệ tiêm vắc-xin phòng UTCTC của nữ sinh viên trường Đại học Y Dược, ĐHQGHN còn chưa cao (34,5%), và tỷ lệ tiêm đủ ba mũi vắc-xin là 22,3%.

- Lý do sinh viên tiêm vắc-xin là lo lắng do sức khỏe của bản thân (48,6%), nhận được lời

khuyến từ gia đình (19,6%) và nhân viên y tế (12,2%), cảm thấy cần khi nhận được thông tin về vắc-xin (18,7%) và rất ít sinh viên nhận được lời khuyên từ bạn bè, đồng nghiệp (0,9%).

- Lý do sinh viên chưa tiêm vắc-xin do giá thành cao chiếm tỷ lệ cao nhất (59,1%), tiếp đến là không biết chỗ nào để tiêm (24,6%), không quan hệ tình dục nên không tiêm (3,4%), cho rằng vắc-xin là không cần thiết (2,5%) và lo ngại về tác dụng phụ của vắc-xin (15%), số ít sinh viên không tiêm do đã quá tuổi tiêm (0,5%) và gia đình không đồng ý tiêm (0,5%).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **BỘ Y TẾ**, "Quyết định số 2402/QĐ-BYT về việc phê duyệt tài liệu "Hướng dẫn dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung", Bộ Y tế, Hà Nội, 2019.
2. **GLOBOCAN** 2020, IARC, 2020. [Online]. Available: <https://gco.iarc.fr/today/data/factsheets/cancers/23-Cervix-uteri-fact-sheet.pdf>.
3. **Bùi Thị Thu Hương, Lò Minh Trọng**, Nghiên cứu tỷ lệ nhiễm HPV typ nguy cơ cao ở bệnh nhân tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên năm 2019-2020, vol. 498, <https://doi.org/10.51298/vmj.v498i2.174>, Ed., Tạp Chí Y học Việt Nam, 2021.
4. **WHO**, "Cervical cancer," 22 Tháng 2 2022. [Online]. Available: [https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/cervical-cancer#:~:text=Cervical%20cancer%20is%20the%20fourth,%20Dincome%20countries%20\(1\)..](https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/cervical-cancer#:~:text=Cervical%20cancer%20is%20the%20fourth,%20Dincome%20countries%20(1)..)
5. **WHO**, "Global Strategy to Accelerate The Elimination of Cervical Cancer As A Public Health Problem," <https://apps.who.int/iris/bitstream/handle/10665/336583/9789240014107-eng.pdf>, Geneva, 2020.
6. **BỘ Y TẾ**, "Kế hoạch hành động quốc gia về dự phòng và kiểm soát ung thư cổ tử cung giai đoạn 2016-2025," Bộ trưởng Bộ Y tế, Hà Nội, 2016.
7. **Nguyễn Thị Xuân Liễu, Dương Huệ Phương**, "Khảo sát kiến thức về ung thư cổ tử cung và tiêm vaccine ngừa HPV của nữ sinh viên khoa Dược năm thứ 5 Đại học Nguyễn Tất Thành," Tạp chí Khoa học & Công nghệ, vol. 10, pp. 86-91, 2020.
8. **Lê Văn Hội**, "Kiến thức, thái độ, thực hành tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung của sinh viên nữ khối y học dự phòng Trường Đại học Y Hà Nội năm 2019," Trường Đại học Y Hà Nội, Hà Nội, 2020.
9. **Trương Thị Ánh Nguyệt, Lê Thọ Minh Hiếu, Nguyễn Thị Mỹ Hiếu, Nguyễn Thị Phương Trinh, Nguyễn Tân Thạch, Hoàng Thị Nam Giang**, "Tình hình tiêm vắc-xin HPV của sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe tại Đà Nẵng," Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Đà Nẵng, vol. 21, no. 3, pp. 110-113, 2023.
10. **Wandee Chanprasertpinoy, Chaiwat Rerkswattavorn**, "Human papillomavirus (HPV) vaccine status and knowledge of students at a university in rural Thailand," Heliyon, vol. 6, no. 8, August 2020.

## NHU CẦU CHĂM SÓC GIẢM NHẸ Ở BỆNH NHÂN CAO TUỔI MẮC BỆNH SUY TIM TẠI KHOA NỘI TIM MẠCH BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG QUÂN ĐỘI 108 NĂM 2023

Đỗ Thị Hiền<sup>1</sup>, Nguyễn Quý Quyền<sup>1</sup>, Lê Thanh Hà<sup>1</sup>,  
Hà Thị Phương Dung<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Hồng Nga<sup>1</sup>,  
Lê Thị Hồng Gấm<sup>1</sup>, Lại Thị Thu Huyền<sup>1</sup>, Tô Lan Phương<sup>1</sup>,  
Vũ Mai Lan, Đoàn Văn Nghĩa<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Hương Giang<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Đánh giá nhu cầu chăm sóc giảm nhẹ và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân cao tuổi mắc bệnh suy tim tại Bệnh viện Trung ương Quân đội 108 năm 2023. **Đối tượng và phương pháp:** Chúng tôi tiến hành nghiên cứu cắt ngang trên người bệnh tại Khoa Nội tim mạch Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, Hà Nội. Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 03 năm 2023 đến 06 năm 2023 Thang đo kết quả chăm sóc giảm nhẹ tích hợp (IPOS) được sử dụng để đo

lượng. **Kết quả:** Tổng cộng có 161 người tham gia vào nghiên cứu này. Hơn một nửa đối tượng tham gia nghiên cứu là nam giới (68,9%), độ tuổi trung bình  $69,5 \pm 11,9$  tuổi. Đau, khó thở và mệt mỏi là ba triệu chứng thể chất hay gặp nhất. Mức độ lo lắng về bệnh tật, tình hình điều trị, cảm giác chán nản, thất vọng, trầm cảm được ghi nhận ở mức đôi khi/thỉnh thoảng, một số ít đối tượng tham gia ghi nhận ở mức hầu hết thời gian và luôn luôn. Về mặt tinh thần, cảm giác bình yên, chia sẻ cảm xúc với gia đình/bạn bè, nhận được thông tin về bệnh tật khi cần phần lớn được ghi nhận ở mức thỉnh thoảng và hầu hết thời gian. Đa phần đối tượng tham gia đều được giải quyết vấn đề phát sinh do bệnh tật. **Kết luận:** Dựa trên kết quả nghiên cứu, phần lớn bệnh nhân cao tuổi mắc bệnh suy tim có nhu cầu chăm sóc giảm nhẹ (52,8%). Nghiên cứu này chỉ ra được có mối liên quan giữa yếu tố nghề nghiệp, số lần nhập viện và nhu cầu chăm sóc

<sup>1</sup>Bệnh viện Trung ương Quân đội 108  
Chịu trách nhiệm chính: Đỗ Thị Hiền  
Email: hauhien108@gmail.com  
Ngày nhận bài: 2.8.2023  
Ngày phản biện khoa học: 20.9.2023  
Ngày duyệt bài: 4.10.2023